

Số: /QĐ-UBND

Mỹ Tho, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024
cho các đơn vị sử dụng ngân sách cấp thành phố Mỹ Tho.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Tiền Giang về việc giao bổ sung kinh phí năm 2024;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Mỹ Tho
tại Công văn số 1981/PTCKH-NS ngày 18/12/2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thành phố Mỹ Tho để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh năm 2024 giao bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Mỹ Tho (theo biểu số liệu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán được bổ sung, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thành phố Mỹ Tho chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tiền Giang và Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách cấp thành phố chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều.3;
- CT và các PCT UBND TPMT;
- VP: CVP, các PCVP
- Lưu: VT, NCTH.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO

BIỂU TỔNG HỢP GIAO BỔ SUNG KINH PHÍ
THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 9236 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho)

ĐVT: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	TỔNG CỘNG	13.751.741	2.516.020	11.235.721	
I	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	11.441.009	2.003.189	9.437.820	
	-Sự nghiệp Giáo dục:	11.426.238	2.002.444	9.423.794	
*	Mầm non	2.347.094	385.095	1.961.999	
1	Trường Mầm non Sao Sáng	180.308	7.756	172.552	
2	Trường Mầm non Bông Sen	178.838	15.174	163.664	
3	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	67.595	7.560	60.035	
4	Trường Mầm non Hướng Dương	110.779	22.713	88.066	
5	Trường Mầm non Sao Mai	94.780	7.606	87.174	
6	Trường Mầm non Sen Hồng	93.221	29.886	63.335	
7	Trường Mầm non Tuổi Thơ	26.023	1.481	24.542	
8	Trường Mầm non Lê Thị Hồng Gấm	175.556	8.845	166.711	
9	Trường Mầm non Hoa Hồng	204.588	18.754	185.834	
10	Trường Mầm non Rạng Đông	113.815	46.065	67.750	
11	Trường Mầm non Tuổi Xanh	101.405	21.244	80.161	
12	Trường Mầm non Hòa Mi	108.808	26.239	82.569	
13	Trường Mầm non Kim Đồng	77.823	17.297	60.526	
14	Trường Mầm non Vườn Trẻ	41.202	1.609	39.593	
15	Trường Mầm non Vàng Anh	72.643		72.643	
16	Trường Mầm non Bình Minh	107.435	26.382	81.053	
17	Trường Mầm non Ánh Dương	120.002	20.332	99.670	
18	Trường Mầm non Hoa Mai	130.976	35.251	95.725	

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
19	Trường Mầm non Mạ Xanh	96.803	250	96.553	
20	Trường Mầm non Phước Thạnh	149.088	34.339	114.749	
21	Trường Mầm non Thới Sơn	95.406	36.312	59.094	
*	Tiểu học	4.707.504	735.191	3.972.313	
1	Trường Tiểu học Thủ Khoa Huân	371.693	43.116	328.577	
2	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	520.154	135.584	384.570	
3	Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương	607.816	147.809	460.007	
4	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	316.105	50.202	265.903	
5	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	317.388	49.210	268.178	
6	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	149.318	3.430	145.888	
7	Trường Tiểu học Thái Sanh Hạnh	178.213	608	177.605	
8	Trường Tiểu học Hồ Văn Nhánh	161.212	15.547	145.665	
9	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	102.214	115	102.099	
10	Trường Tiểu học Kim Đồng	141.508	2.653	138.855	
11	Trường Tiểu học Âu Dương Lân	153.937	6.882	147.055	
12	Trường Tiểu học Tân Tỉnh	131.853	2.924	128.929	
13	Trường Tiểu học Tân Long	73.257	9.138	64.119	
14	Trường Tiểu học Mỹ Phong	164.917	8.483	156.434	
15	Trường Tiểu học Trung An	476.820	97.993	378.827	
16	Trường Tiểu học Đạo Thạnh	227.168	17.537	209.631	
17	Trường Tiểu học Thạnh Trị	154.917	30.256	124.661	
18	Trường Tiểu học Phước Thạnh	230.351	30.299	200.052	
19	Trường TH-THCS Lê Văn Nghê	104.970	36.286	68.684	
20	Trường TH-THCS Thới Sơn	123.693	47.119	76.574	
*	Trung học	4.371.640	882.158	3.489.482	
1	Trường Trung học cơ sở Xuân Diệu	1.010.481	232.570	777.911	
2	Trường Trung học cơ sở Lê Ngọc Hân	1.167.498	326.056	841.442	
3	Trường Trung học cơ sở Nam Định	261.113	34.536	226.577	
4	Trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức	197.769	49.452	148.317	

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
5	Trường Trung học cơ sở Học Lạc	215.700	43.359	172.341	
6	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ Chánh	215.292	28.349	186.943	
7	Trường Trung học cơ sở Bảo Định	154.218	6.363	147.855	
8	Trường Trung học cơ sở Trung An	228.554	20.961	207.593	
9	Trường Trung học cơ sở Bình Đức	260.369	43.761	216.608	
10	Trường Trung học cơ sở Phú Thạnh	337.627	55.452	282.175	
11	Trường TH-THCS Lê Văn Nghè	207.770	32.930	174.840	
12	Trường TH-THCS Thới Sơn	115.249	8.369	106.880	
*	- Sự nghiệp Đào tạo	14.771	745	14.026	
	Trung tâm chính trị	14.771	745	14.026	
II	Sự nghiệp y tế	868.830	141.580	727.250	
	- Khối dự phòng	203.573	23.288	180.285	
	- Khối phường - xã	665.257	118.292	546.965	
III	Sự nghiệp văn hóa - thể dục - thể thao	100.672	25.391	75.281	
	Trung tâm Văn hóa thể thao và Du lịch	100.672	25.391	75.281	
IV	Sự nghiệp kinh tế	96.822	24.530	72.292	
	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp	96.822	24.530	72.292	
V	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.244.408	321.330	923.078	
*	- Quản lý nhà nước	798.895	210.409	588.486	
	Văn phòng HĐND và UBND	168.080	23.482	144.598	
	Phòng Tài chính-Kế hoạch	94.988	29.786	65.202	
	Phòng Tài nguyên và Môi trường	58.408	13.087	45.321	
	Phòng Quản lý đô thị	88.961	20.586	68.375	
	Phòng Tư pháp	31.784	6.428	25.356	
	Thanh tra	57.239	17.759	39.480	
	Phòng Văn hóa và Thông tin	47.460	13.385	34.075	
	Phòng Lao động-I hương binh và Xã hội	44.651	17.582	27.069	
	Phòng Nội vụ	55.885	22.456	33.429	

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	Phòng Kinh tế	71.504	18.447	53.057	
	Phòng Giáo dục	79.935	27.411	52.524	
*	- <i>Khối đảng</i>	247.197	51.465	195.732	
*	- <i>Đoàn thể</i>	175.721	59.456	116.265	
	Ủy ban mặt trận	45.978	11.763	34.215	
	Thành đoàn	25.541	11.473	14.068	
	Hội liên hiệp phụ nữ	40.852	16.043	24.809	
	Hội nông dân	35.885	11.161	24.724	
	Hội cựu chiến binh	27.465	9.016	18.449	
*	- <i>Hội đặc thù</i>	22.595	0	22.595	
	Hội Người mù	14.171		14.171	
	Hội chữ Thập đỏ	8.424		8.424	